

Số: /KH-UBND

Sóc Trăng, ngày tháng 01 năm 2021

KẾ HOẠCH
Phát triển giáo dục nghề nghiệp năm 2021 tỉnh Sóc Trăng

Thực hiện Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp năm 2021 tỉnh Sóc Trăng;

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp năm 2021 tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Củng cố, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh đủ năng lực đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo; tập trung đầu tư các điều kiện đảm bảo hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đạt chuẩn theo quy định tại Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Tăng dần tỷ lệ tự chủ loại hai của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

- Cụ thể hóa các chủ trương, định hướng phát triển nguồn nhân lực, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh và góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần thực hiện đạt các mục tiêu, chỉ tiêu nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra.

Ưu tiên thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập (tư thục và có vốn đầu tư nước ngoài), doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Chỉ tiêu cụ thể

- Hỗ trợ phát triển, hoàn thiện các điều kiện đảm bảo hoạt động giáo dục nghề nghiệp cho 02 trường cao đẳng và các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh cơ bản đạt chuẩn theo quy định tại Nghị định số 143/2016/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tuyển sinh, đào tạo, bồi dưỡng nghề nghiệp cho 13.000 người; trong đó: Đào tạo trình độ cao đẳng 910 người, trung cấp là 790 người, sơ cấp 5.573 người và dưới 3 tháng 4.877 người, đào tạo thường xuyên (kèm cặp - truyền nghề - tập nghề) là 850 người. Tỷ lệ có việc làm sau đào tạo nghề trên 85%. Phấn đấu đến cuối năm 2021, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 61%; trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 28%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề nghiệp đạt 56%; tỷ lệ lao động nữ qua đào tạo đạt 60%.

(Kèm theo phụ lục 1, 2).

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, NGÀNH NGHỀ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP

1. Phạm vi đào tạo

Kế hoạch được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng đào tạo

- Người trong độ tuổi lao động, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học. Trong đó, ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp cho người thuộc đối tượng: Người thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, người lao động nữ, người dân, người đang thi hành án phạt tù, người thi hành xong án phạt tù, người sau cai nghiện ma túy; người lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa; người lao động theo nhu cầu của nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các tổ chức, cá nhân có thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nghề cho người lao động.

3. Ngành, nghề đào tạo

Ngành, nghề đào tạo được xác định căn cứ vào nhu cầu chuyển dịch lao động theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các văn bản có liên quan đến giáo dục nghề nghiệp. Xuất phát từ nhu cầu, yêu cầu thực tế sử dụng lao động của công ty, doanh nghiệp, người lao động để tổ chức đào tạo nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo ngắn hạn; đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động đã qua đào tạo nghề nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

4. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp

Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp được thực hiện theo các quy định hiện hành.

III. CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Truyền thông trong giáo dục nghề nghiệp

Tổ chức tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là các chính sách như: khuyến khích

các tổ chức, cá nhân đầu tư vào giáo dục nghề nghiệp; chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng, hỗ trợ chi phí học tập cho người lao động bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú về nội dung như: tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, tờ rơi, tờ gấp, tuyên truyền thông qua các hội thi, hội diễn, hội giảng, hội thao,....

Tổ chức các hội thi, hội diễn, hội giảng, hội thao,... trong giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh và tham gia các hội thi, hội diễn, hội giảng, hội thao trong giáo dục nghề nghiệp cấp toàn quốc theo quy định.

2. Phát triển chương trình, giáo trình, ngành, nghề đào tạo

Chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh chương trình, giáo trình đào tạo của các ngành, nghề đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo hướng đáp ứng chất lượng đầu ra theo yêu cầu vị trí việc làm của đơn vị sử dụng lao động.

Xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, giáo trình đào tạo của các ngành, nghề đào tạo mới theo nhu cầu, yêu cầu thực tế sử dụng lao động của xã hội, đặc biệt là nhu cầu, yêu cầu sử dụng nguồn nhân lực qua đào tạo nghề nghiệp phục vụ chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động và quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong tỉnh.

Xây dựng và ban hành danh mục định mức kinh tế kỹ thuật và định mức chi phí đào tạo của các ngành, nghề đào tạo theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực và đảm bảo tính đúng, tính đủ về chi phí đào tạo và sát với nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và thực tiễn sản xuất (từ đào tạo một công đoạn, một kỹ năng nghề nhất định đến đào tạo chuyên sâu cấp văn bằng, chứng chỉ một cách toàn diện).

3. Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất; mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, máy móc, dụng cụ phục vụ đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

Rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc phục vụ đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; trên cơ sở đó, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất; mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, máy móc, dụng cụ phục vụ đào tạo tại các đơn vị này, đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp.

4. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp các cấp (tỉnh, huyện, xã); nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh

Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ định kỳ, hàng năm cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp các cấp (tỉnh, huyện, xã), đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn

tỉnh nhằm nâng cao năng lực cho lực lượng này đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Tổ chức tuyển sinh, đào tạo nghề nghiệp và giải quyết việc làm sau đào tạo

Tổ chức tuyển sinh, đào tạo theo đúng quy mô tuyển sinh của các ngành, nghề đào tạo được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Liên kết với các công ty, doanh nghiệp đào tạo theo địa chỉ nhằm giải quyết việc làm cho lao động sau đào tạo.

Tổ chức liên kết, phối hợp với các trường đại học, các trường cao đẳng danh tiếng trong cả nước để tổ chức tuyển sinh, đào tạo các ngành, nghề, trình độ đào tạo theo nhu cầu xã hội và đây cũng là các ngành, nghề mà các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong tỉnh chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp cho người lao động được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh) và các nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có), trong đó:

- Dự kiến kinh phí ngân sách Trung ương là 10.000 triệu đồng.
- Kinh phí thuộc ngân sách tỉnh là 5.800 triệu đồng.

(Kèm theo phụ lục 3, 3.1, 3.2).

Ngoài nguồn kinh phí nêu trên, việc hỗ trợ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên học trình độ trung cấp, cao đẳng sẽ do ngân sách nhà nước thực hiện cấp bù học phí theo dự toán thực tế của các trường trung cấp, cao đẳng, các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh và huy động từ các nguồn hợp pháp khác; kinh phí chi thường xuyên thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Định mức kinh tế kỹ thuật và định mức chi phí hỗ trợ đào tạo

a) Định mức kinh tế kỹ thuật:

- Đối với các ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Đối với các ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành năm 2021.

b) Định mức chi phí đào tạo:

- Đối với đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp thực hiện cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Đối với đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên thực hiện định mức chi phí đào tạo theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

V. GIẢI PHÁP THỰC HỆN

1. Các giải pháp chung

Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; rà soát, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng giảm đầu mối, tăng quy mô tuyển sinh; các trường đào tạo đa cấp trình độ, đa ngành, nghề; tăng cường liên kết với các cơ sở đào tạo có uy tín trong nước và trên thế giới ở một số ngành, nghề yêu cầu lực lượng lao động có chất lượng cao; khuyến khích thành lập mới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài,... Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý để thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp. Xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo trên cơ sở chuẩn đầu ra, có sự tham gia của doanh nghiệp, cơ quan sử dụng lao động; đổi mới công tác tuyển sinh, tổ chức, quản lý và phương pháp đào tạo, hình thức và phương pháp thi, kiểm tra trong giáo dục nghề nghiệp.

Tập trung đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất và thiết bị theo ngành, nghề đào tạo. Coi trọng quản lý chất lượng đầu ra đồng thời với quản lý quá trình đào tạo và chuẩn hóa các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Từng bước thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo nghề theo lộ trình chung để đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong giáo dục nghề nghiệp.

2. Giải pháp cụ thể

Một là, tập trung rà soát, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao (cao đẳng, trung cấp), đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực, nhất là các ngành, nghề phục vụ phát triển kinh tế biển; các ngành, nghề thuộc các lĩnh vực khuyến khích kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh; các ngành, nghề trọng điểm được Trung ương đầu tư phát triển theo cấp độ khu vực ASEAN và cấp độ quốc gia.

Hai là, tranh thủ các nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, từ các tổ chức (chủ yếu là doanh nghiệp), cá nhân để phát triển hạ tầng kỹ thuật các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về quy mô, chất lượng đào tạo và có thể áp dụng những công nghệ mới nhất của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư. Ưu tiên phát triển hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, xây dựng phòng học đa phương tiện, phòng chuyên môn hóa, hệ thống thiết bị ảo mô phỏng, thiết bị dạy học các phần mềm mô phỏng, ... và ứng dụng công nghệ thông tin trong việc

thiết kế bài giảng theo hướng nâng cao năng lực sáng tạo, tự học, thích nghi của người học. Những phương pháp phát huy tính chủ động, sáng tạo, tư duy phản biện, làm việc nhóm cần được sử dụng trong việc đào tạo.

Ba là, đẩy mạnh thực hiện quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (tự chủ về tuyển sinh, đào tạo, xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, nhân sự, tài chính,...). Căn cứ nhu cầu nhân lực của xã hội và khả năng đào tạo của nhà trường, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động xây dựng chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, đồng thời chủ động về mặt tài chính để đầu tư những khoản kinh phí phù hợp với yêu cầu đào tạo. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Bốn là, đẩy mạnh việc gắn kết cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, vì những đơn vị này chính là nơi sử dụng sản phẩm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, là cánh tay nối dài cho hoạt động đào tạo nguồn nhân lực, giúp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo ra những lao động mà “thị trường” cần, đồng thời giúp học sinh, sinh viên bắt nhịp ngay với công việc sau khi ra trường.

Năm là, phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý để thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp. Xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo trên cơ sở chuẩn đầu ra, có sự tham gia của doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động; đổi mới công tác tuyển sinh, tổ chức, quản lý và phương pháp đào tạo, hình thức thi, kiểm tra trong giáo dục nghề nghiệp; đồng thời, cần đổi mới chính sách về tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ cho nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Phấn đấu đưa Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng và Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng vào danh sách các trường cao đẳng chất lượng cao theo Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Sáu là, nâng cao trình độ năng lực cho cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư.

Bảy là, tập trung đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động của Sàn giao dịch việc làm tỉnh; chú trọng các hoạt động về tư vấn và giải quyết việc làm cho người lao động có nhu cầu ở địa phương, nhất là lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp, lao động sau đào tạo nghề; chủ động liên hệ các doanh nghiệp có uy tín, chất lượng và năng lực hoạt động trong các lĩnh vực để thu thập và cung cấp các thông tin về thị trường lao động cho người lao động và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, nhất là thông tin về cầu lao động, về tiêu chuẩn lao động, tiền lương, tiền công của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh,... Tổ chức quản trị, khai thác có hiệu quả Cổng thông tin điện tử “Người tìm việc - Việc tìm người” của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh để tạo cầu nối việc làm cho người lao động, doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp một cách bền vững, hiệu quả.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

- Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp hàng năm; chương trình, dự án có liên quan đến giáo dục nghề nghiệp của tỉnh và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

- Quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc tỉnh và quản lý theo lãnh thổ cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thực hiện các hoạt động đào tạo, phổ biến tiến bộ khoa học, kỹ thuật và chuyển giao công nghệ.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành những quy định cụ thể về việc thành lập, chia tách, giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc tỉnh, kể cả tư thục và có vốn đầu tư nước ngoài; quản lý giáo dục nghề nghiệp, chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên giáo dục nghề nghiệp, học sinh, sinh viên đúng theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các đơn vị có liên quan trong quá trình xây dựng lập dự toán thu, chi ngân sách; phân bổ dự toán, quản lý quyết toán ngân sách trong giáo dục nghề nghiệp hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

- Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện chuyên môn nghiệp vụ đối với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp; xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ hằng tháng, quý, 06 tháng, năm tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chỉ đạo và chịu trách nhiệm về việc đặt hàng đào tạo nghề nghề nghiệp trong việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo quy định.

- Chỉ đạo hệ thống khuyến nông gắn kết các hoạt động khuyến nông với hoạt động giáo dục nghề nghiệp và tổ chức nhân rộng mô hình giáo dục nghề nghiệp gắn với hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong ngành nông nghiệp.

- Chỉ đạo, hướng dẫn việc cung cấp các định hướng sản xuất, thông tin thị trường hàng hóa, hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp đến xã.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng cơ chế, chính sách về đào tạo nghề nghiệp nguồn nhân lực trong nông nghiệp; dự toán kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp cho người lao động trong nông nghiệp và chịu trách nhiệm về việc chỉ đạo thực hiện nguồn vốn trong đào tạo nghề nghiệp nông nghiệp cho người lao động theo nhu cầu định hướng phát triển ngành nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức hướng dẫn xây dựng danh mục ngành, nghề, chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo nghề nghiệp thuộc lĩnh vực nông nghiệp cho người lao động.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đặt hàng đào tạo nghề nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp cho người lao động.

3. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp theo thẩm quyền.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành tỉnh và các cơ quan có liên quan, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố bố trí ít nhất 01 biện chế chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo nghề nghiệp trên địa bàn.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo các điều kiện về hoạt động giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, thị xã, thành phố. Đặc biệt là các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đội ngũ giáo viên dạy các môn văn hóa,...

- Chỉ đạo các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông đổi mới chương trình và nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp để giáo dục cho học sinh những kiến thức, kỹ năng, hình thành thái độ đúng đắn về giáo dục nghề nghiệp, việc làm và con đường tiến tới thành công cho học sinh, từ đó giúp học sinh chủ động lựa chọn ngành, nghề học, hình thức học sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông.

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác rà soát, thống kê số lượng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở không trúng tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông tại từng địa phương trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, giao chỉ tiêu, tăng cường công

tác tuyên truyền, tư vấn cho phụ huynh và học sinh vào học văn hóa tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên nơi học sinh cư trú.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Đề xuất, bố trí vốn đầu tư phát triển hàng năm để thực hiện Kế hoạch;
- Nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí bổ sung hoặc bố trí nguồn vốn giải quyết việc làm dành riêng để cho vay đối với người lao động sau đào tạo nghề nghiệp để vay vốn khởi nghiệp và giải quyết việc làm đúng theo quy định.
- Phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định khác liên quan.

6. Sở Tài chính

- Ban hành văn bản hướng dẫn sửa đổi, bổ sung việc quản lý và sử dụng kinh phí đối với nguồn vốn sự nghiệp của Kế hoạch; đề xuất bố trí vốn sự nghiệp hàng năm của Kế hoạch.
- Phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan.

7. Sở Công Thương

- Tổ chức thực hiện cung cấp thông tin thị trường hàng hóa, hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm tiêu thủ công nghiệp cho người lao động đặc biệt là lao động khu vực nông thôn.
- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện gắn kết các hoạt động chuyên môn có liên quan với hoạt động đào tạo nghề nghiệp cho người lao động theo nhu cầu của doanh nghiệp.
- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan có liên quan tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, các sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP của tỉnh.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tổ chức tuyên truyền về công tác đào tạo nghề; phối hợp với các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về công tác giáo dục nghề nghiệp, việc làm trên địa bàn tỉnh.

9. Sở Giao thông Vận tải

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện đảm bảo các điều kiện về hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp đào tạo lái xe ô tô. Đặc biệt là các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, xe ô tô tập lái, đội ngũ giáo viên dạy thực hành lái xe; chỉ đạo Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp đào tạo lái xe ô tô quan tâm đào tạo nghề cho đối tượng thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên

tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

10. Ban Dân tộc tỉnh

- Rà soát, thống kê, đánh giá thực trạng chất lượng người lao động, nhu cầu học nghề nghiệp, nhu cầu việc làm của người dân tộc trên địa bàn quản lý. Trên cơ sở đó, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức đào tạo nghề nghiệp, giải quyết việc làm theo nhu cầu và gắn với việc tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất đối với người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo ở các xã, phường, thị trấn đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc gắn kết với hoạt động đào tạo nghề và tổ chức nhân rộng mô hình đào tạo nghề cho người lao động vùng dân tộc thiểu số.

- Phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan trong việc tổ chức thực hiện các nội dung Kế hoạch này liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, giám sát, tổng hợp nhu cầu, kết quả, hiệu quả đào tạo nghề nghiệp và việc làm sau khi đào tạo nghề nghiệp đối với người dân tộc thiểu số.

11. Chính nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

- Thực hiện cho vay đối với người lao động học nghề nghiệp có nhu cầu vay vốn từ chương trình tín dụng học sinh, sinh viên theo quy định hiện hành.

- Thực hiện cho vay vốn ưu đãi đối với người lao động sau đào tạo nghề nghiệp để vay vốn khởi nghiệp và giải quyết việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm theo quy định hiện hành hiện hành.

12. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Cựu Chiến binh tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Tỉnh Đoàn, Hội Nông dân tỉnh

- Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách, pháp luật trong giáo dục nghề nghiệp, việc làm; tổ chức vận động các đoàn viên, hội viên tích cực tham gia học nghề, tìm việc làm; tổ chức tư vấn miễn phí về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, về việc thành lập doanh nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ,...

- Tổ chức giám sát, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề nghiệp theo Kế hoạch; chỉ đạo, hướng dẫn các Hội, đoàn thể cấp huyện tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, giám sát việc thực hiện Kế hoạch tại địa phương.

13. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Dự án phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, Hiệp hội Doanh nghiệp, Trung tâm Dịch vụ việc làm, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị và kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp năm 2021 để chủ động tổ chức triển khai thực hiện.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đẩy mạnh công tác tuyển sinh, đào tạo và liên kết tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm sau đào

tạo đúng theo quy định hiện hành về giáo dục nghề nghiệp và việc làm; phối hợp, hỗ trợ các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, thị xã, thành phố trong thực hiện công tác đào tạo nghề nghiệp tại địa phương, đặc biệt làm công tác phân luồng học sinh trung học phổ thông (học văn học văn hóa, kết hợp học nghề nghiệp trình độ trung cấp).

- Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Dự án phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, Hiệp hội Doanh nghiệp, Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh đẩy mạnh công tác phối hợp, làm cầu nối giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh với các doanh nghiệp đang có nhu cầu tuyển lao động để ký hợp đồng đào tạo nghề và cung ứng lao động.

14. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đào tạo nghề trên địa bàn; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố;

- Xây dựng các chương trình, đề án phát triển giáo dục nghề nghiệp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua; tổ chức chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện các chương trình, đề án giáo dục nghề nghiệp được phê duyệt; bảo đảm các điều kiện về ngân sách, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cơ sở vật chất kỹ thuật cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên theo quy định của pháp luật;

- Thu hút các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập và ngoài công lập; các viện nghiên cứu, trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, trang trại, nông trường, lâm trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có đủ điều kiện tham gia đào tạo nghề nghiệp cho người lao động theo quy định;

- Chỉ đạo triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính và tổ chức đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của huyện, thị xã, thành phố; tổ chức kiểm tra hoạt động đào tạo nghề và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

- Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí đào tạo nghề theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; báo cáo định kỳ về đào tạo nghề với Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân cùng cấp.

15. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

- Giúp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện công tác phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn quản lý.

- Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn gắn hoạt động đào tạo nghề nghiệp phù hợp với chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Thông kê các đối tượng: Người trong độ tuổi lao động, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học. Trong đó, ưu tiên hỗ trợ đào tạo

nghề nghiệp cho người thuộc đối tượng: Người thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, người lao động nữ, ngư dân, người đang thi hành án phạt tù, người thi hành xong án phạt tù, người sau cai nghiện ma túy; người lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa; người lao động theo nhu cầu của nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và các chính sách xã hội khác trên địa bàn quản lý đang trong độ tuổi lao động trên địa bàn đã qua đào tạo nghề nghiệp và chưa qua đào tạo nghề, người lao động có nhu cầu học nghề nghiệp để xem xét xác nhận đối tượng khi người lao động có nhu cầu đăng ký học nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định; đồng thời trên cơ sở đó tính tỷ lao động qua đào tạo, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề nghiệp, tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ của địa phương quản lý.

- Phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan quản lý, kiểm tra hoạt động đào tạo nghề trong các doanh nghiệp; hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện chính sách đào tạo nghề cho các đối tượng được hưởng chính sách ở địa phương, bảo đảm chính sách thực hiện đúng mục đích, đúng đối tượng.

16. Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan định kỳ hàng tháng, quý, 06 tháng, năm báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trên đây là Kế hoạch phát triển giáo dục năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH;
- Tổng cục GDNN;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- PCT UBND tỉnh HTDN;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn thể tỉnh;
- Báo ST, Đài PTTH ST;
- UBND các huyện, tx, tp;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Thị Diễm Ngọc

PHỤ LỤC 1

Chỉ tiêu đào tạo nghề trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2021
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2021
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu (người)		
		Tổng chỉ tiêu	Cao đẳng	Trung cấp
1	Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	800	550	250
2	Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	850	360	490
3	Trường Trung cấp Sài Gòn - Phân hiệu Sóc Trăng	50		50
Tổng cộng		1.700	910	790

PHỤ LỤC 2

Chỉ tiêu đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng năm 2021
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu			
		Tổng chỉ tiêu	Sơ cấp	Dưới 3 tháng	Thường xuyên
I	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	6.234	747	4.637	850
1	Thành phố Sóc Trăng	270	54	216	
2	Thị xã Vĩnh Châu	720	180	540	
3	Thị xã Ngã Năm	400		400	
4	Huyện Châu Thành	270	36	234	
5	Huyện Kế Sách	360	90	270	
6	Huyện Mỹ Tú	400	36	364	
7	Huyện Cù Lao Dung	350	35	315	
8	Huyện Long Phú	324	36	288	
9	Huyện Mỹ Xuyên	750	54	696	
10	Huyện Thạnh Trị	1.000	190	810	
11	Huyện Trần Đề	540	36	504	
II	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tỉnh	240		240	
III	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập	4.826	4.826		
1	Trường Trung cấp Sài Gòn - Phân hiệu Sóc Trăng	100	100		
2	Trung tâm Đào tạo lái xe, tàu Sóc Trăng	850	850		
3	Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Thăng Long	1.500	1.500		
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Đào tạo lái xe ô tô Hưng Thịnh	2.376	2.376		
Tổng cộng (I+II+III)		11.300	5.573	4.877	850

PHỤ LỤC 3

Tổng hợp kinh phí hỗ trợ thực hiện đào tạo nghề năm 2021
 (Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2021
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí
I	Dự kiến kinh phí thuộc ngân sách Trung ương	10.000
1	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho người lao động	4.000
2	Hỗ trợ nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá đào tạo nghề cho người lao động	500
3	Hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, máy móc đào tạo nghề cho người lao động tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên công lập cấp huyện	5.500
II	Kinh phí thuộc ngân sách tỉnh	5.800
1	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho người lao động	4.000
2	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho thanh niên theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP của Chính phủ	1.500
3	Truyền thông về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	300
Tổng cộng		15.800

PHỤ LỤC 3.1

Kinh phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng năm 2021
 (Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2021
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Đơn vị	Kinh phí (triệu đồng)			
		Tổng cộng	Ngân sách TW (dự kiến)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện/ nguồn lòng ghép, xã hội hóa
I	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	7.620	4.000	3.620	
1	Thành phố Sóc Trăng	550		550	
2	Huyện Châu Thành	550	300	250	
3	Huyện Kế Sách	600	300	300	
4	Huyện Mỹ Tú	600	300	300	
5	Huyện Cù Lao Dung	600	300	300	
6	Huyện Long Phú	520	300	220	
7	Huyện Mỹ Xuyên	600	300	300	
8	Thị xã Ngã Năm	600	400	200	
9	Huyện Thạnh Trị	1.200	750	450	
10	Thị xã Vĩnh Châu	1.200	750	450	
11	Huyện Trần Đề	600	300	300	
II	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tỉnh	380		380	
III	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập				
1	Trường Trung cấp Sài Gòn - Phân hiệu Sóc Trăng				
2	Trung tâm Đào tạo lái xe, tàu Sóc Trăng				
3	Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Thăng Long				
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Đào tạo lái xe ô tô Hưng Thịnh				
Tổng cộng (I+II+III)		8.000	4.000	4.000	

PHỤ LỤC 3.2

Kinh phí hỗ trợ nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; đào tạo nghề theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, máy móc đào tạo nghề cho người lao động tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên công lập cấp huyện năm 2021
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2021
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

STT	Nội dung thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)		
		Tổng kinh phí	Kinh phí TW	Kinh phí tỉnh
1	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho thanh niên theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP của Chính phủ	1.500		1.500
2	Truyền thông về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	300		300
3	Hỗ trợ nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá đào tạo nghề cho người lao động	500	500	
4	Hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, máy móc đào tạo nghề cho người lao động tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên công lập cấp huyện	5.500	5.500	
Tổng cộng		7.800	6.000	1.800